

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 15/3/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Lê Thị Quỳnh Anh	Nữ	27/5/2002	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	431/QĐ163/2026	TH015321	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	13/9/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	432/QĐ163/2026	TH015322	
3	Hoàng Thị Thu Hiền	Nữ	06/4/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	433/QĐ163/2026	TH015323	
4	Ngô Trí Kiên	Nam	07/5/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	434/QĐ163/2026	TH015324	
5	Cao Thị Hoa Ly	Nữ	30/3/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	435/QĐ163/2026	TH015325	
6	Mai Đình Nhật Minh	Nam	08/11/1993	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	9.0	436/QĐ163/2026	TH015326	
7	Nguyễn Thị Hiếu Ngọc	Nữ	11/11/1995	Nghệ An	Kinh	8.0	5.0	437/QĐ163/2026	TH015327	
8	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	07/12/1992	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	5.0	438/QĐ163/2026	TH015328	
9	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	11/4/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	439/QĐ163/2026	TH015329	
10	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	28/3/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	440/QĐ163/2026	TH015330	
11	Nguyễn Hữu Tâm	Nam	10/01/1997	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	441/QĐ163/2026	TH015331	
12	Đinh Thị Thu Thảo	Nữ	18/10/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	442/QĐ163/2026	TH015332	
13	Trần Thị Thủy	Nữ	19/7/1984	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	6.5	443/QĐ163/2026	TH015333	
14	Võ Thị Huyền Trang	Nữ	07/3/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	444/QĐ163/2026	TH015334	
15	Lê Thị Xuân	Nữ	15/9/1989	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	445/QĐ163/2026	TH015335	
16	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Nữ	18/4/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	446/QĐ163/2026	TH015336	
17	Nguyễn Thái Đông	Nam	10/02/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	447/QĐ163/2026	TH015337	
18	Phan Thị Thùy Dung	Nữ	12/10/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	448/QĐ163/2026	TH015338	
19	Hoàng Hoài Duyên	Nữ	19/5/2003	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	449/QĐ163/2026	TH015339	
20	Trần Thị Hà Giang	Nữ	06/6/2003	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.0	450/QĐ163/2026	TH015340	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
21	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	14/6/1990	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.0	451/QĐ163/2026	TH015341	
22	Nguyễn Văn Hợi	Nam	10/10/1984	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	452/QĐ163/2026	TH015342	
23	Lê Khánh Linh	Nữ	01/5/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	453/QĐ163/2026	TH015343	
24	Trương Thị Khánh Linh	Nữ	27/10/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	454/QĐ163/2026	TH015344	
25	Trần Khánh Linh	Nữ	14/9/2002	Bình Phước	Kinh	6.7	8.5	455/QĐ163/2026	TH015345	
26	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	24/02/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	456/QĐ163/2026	TH015346	
27	Vi Thị Lê Na	Nữ	16/3/2002	Nghệ An	Thái	6.0	6.5	457/QĐ163/2026	TH015347	
28	Hoàng Văn Ngọc	Nam	19/6/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	458/QĐ163/2026	TH015348	
29	Trần Khôi Nguyên	Nam	31/3/2003	Ninh Bình	Kinh	6.0	7.5	459/QĐ163/2026	TH015349	
30	Hồ Thị Ánh Nhi	Nữ	30/10/2002	Đắk Lắk	Kinh	6.0	9.0	460/QĐ163/2026	TH015350	
31	Đỗ Quang Tài	Nam	04/8/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	461/QĐ163/2026	TH015351	
32	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	19/12/2002	Thái Bình	Kinh	6.3	8.5	462/QĐ163/2026	TH015352	
33	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	07/12/2002	Đà Nẵng	Kinh	6.3	9.0	463/QĐ163/2026	TH015353	
34	Lê Thị Thủy	Nữ	18/5/1993	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	464/QĐ163/2026	TH015354	
35	Trần Thị Ngọc Thủy	Nữ	08/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	465/QĐ163/2026	TH015355	
36	Đinh Thị Mai Trang	Nữ	23/01/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	466/QĐ163/2026	TH015356	
37	Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	12/5/2004	Nghệ An	Kinh	8.0	8.5	467/QĐ163/2026	TH015357	

